

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông nội thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt sử dụng vốn dự thuộc kế hoạch vốn Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2019 để đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nội thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 78/TTr-BDT ngày 18/8/2020; đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa tại Tờ trình số 3664/TTr-SGTVT ngày 28/8/ 2020; Báo cáo kết quả thẩm định số 3671/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/8/ 2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông nội thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường giao thông nội thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nội thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.

2. Mục tiêu đầu tư: Giúp nhân dân trong xã đi lại thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương giữa các thôn trong xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước hoàn thành kết cấu hạ tầng theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông thủy lợi Thái Sơn.

6. Chủ nhiệm dự án: Vũ Đình Huynh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích 2.400m².

9. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng 350m đường giao thông nông thôn cấp C theo TCVN 10380-2014.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 10\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{l\grave{e}} = (2 \times 0,5)\text{m} = 1,0\text{m}$; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 15\%$; bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn $R_{\min} = 10\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M250 dày 16cm.

10. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất như tại báo cáo kết quả thẩm định số 3671/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/8/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

11. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến: Tìm tuyến cơ bản bám theo đường cũ hiện có, đào đắp cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường; tổng chiều dài $L = 350\text{m}$; điểm đầu nối tiếp với đường bê tông đã có tại đầu thôn Dân Long; điểm cuối cách điểm đầu 350m theo hướng đi nhà văn hóa thôn Dân Long, xã Lương Ngoại; tổng tuyến có 08 đỉnh đường cong nằm đóng cong, bán kính nhỏ nhất $R_{\min} = 30\text{m}$.

b) Trắc dọc tuyến: Đường đồ được thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn 4%, hạn chế khối lượng đào đắp để phù hợp với kinh phí của dự án và đảm bảo độ êm thuận khi xe chạy; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 5,62\%$.

c) Mặt cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$;
- Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$;
- Chiều rộng lề đất hai bên $B_{l\grave{e}} = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$;
- Độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$; dốc ngang lề đường $i_{l\grave{e}} = 4\%$.

d) Mặt đường: Bề mặt bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng đá dăm nước đá (4x6)cm dày 10cm.

e) Nền đường: Dạng nền thông thường, chiều cao đào đắp thấp.

- Nền đường đắp: Đắp bằng đất đào tận dụng; đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5.

- Nền đường đào: Độ dốc mái ta luy nền đào 1/1.

g) Công trình thoát nước: Thoát nước mặt đường bằng chảy toả và đào rãnh dọc đất tiết diện hình thang, kích thước $(0,4+1,2) \times 0,4\text{m}$.

12. Dự toán duyệt: 465.535.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	387.279.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	8.269.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	67.289.000 đồng.
- Chi phí khác:	2.698.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

15. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

17. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: Không.

Điều 2. Ban Dân tộc căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ban Dân tộc; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI THÔN DÀN LONG,
XÃ LƯƠNG NGOẠI, HUYỆN BÁ THƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	352.071.818	35.207.000	387.279.000
II	Chi phí quản lý dự án	8.269.000		8.269.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	62.560.000	4.728.000	67.289.000
1	Chi phí khảo sát	27.849.091	2.784.909	30.634.000
2	Chi phí giám sát khảo sát	1.133.636	113.364	1.247.000
3	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	18.300.909	1.830.091	20.131.000
4	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu	1.000.000		1.000.000
5	Chi phí đánh giá hồ sơ đề xuất	1.000.000		1.000.000
6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	1.000.000		1.000.000
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.000.000		1.000.000
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	11.276.860		11.277.000
IV	Chi phí khác	2.698.000		2.698.000
1	Phí thẩm định Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	44.000		44.000
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	2.654.000		2.654.000
Tổng kinh phí đầu tư		425.598.818	39.935.000	465.535.000